

VỀ CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ CÁC CHỦ TRƯỞNG KỸ THUẬT PHÒNG TRỪ DỊCH BỆNH GIA SÚC, GIA CẦM

TRỊNH VĂN THỊNH

Công tác khoa học và kỹ thuật về thú i có nhiệm vụ bảo vệ gia súc, gia cầm, góp phần đẩy mạnh phát triển chăn nuôi và tăng năng suất chăn nuôi.

Những động vật ta nuôi sống trong những điều kiện khí hậu, đất đai bất định ở nước ta qua bao đời nay, lại chịu ảnh hưởng của những điều kiện chăn nuôi của con người không ngừng thay đổi qua sự tiến hóa của các chế độ kinh tế; do đó, những bệnh tật của chúng có những đặc điểm có tính chất qui luật. Đề ra và thực hiện các chủ trương và biện pháp kỹ thuật về thú i phải trên cơ sở nắm vững những đặc điểm ấy, tác động vào những điều kiện chăn nuôi và vệ sinh, nhằm hạn chế tác hại, tiến tới tiêu diệt những dịch bệnh chính. Chúng ta phải quán triệt và vận dụng đường lối và các nghị quyết của Đảng vào công tác khoa học và kỹ thuật về thú i, làm cho công tác này có hiệu lực, góp phần thực hiện nhiệm vụ quan trọng hiện nay: đưa chăn nuôi từ một nghề phụ lên thành một ngành chính trong sản xuất nông nghiệp, từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đường lối quần chúng trong công tác phòng, trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm

Dưới thời thuộc Pháp và phong kiến, gia súc, gia cầm ở nước ta hằng năm chết rất nhiều vì dịch bệnh. Theo một báo cáo của Viện Paxtor Nha-trang (1932), hằng năm số trâu, bò chết riêng về bệnh dịch tả trâu bò là 5% tổng số, tức là toàn Đông-dương thiệt hại mỗi năm khoảng 140 000 con. Nhưng bệnh dịch tả trâu bò đã hơn mười năm nay không còn thấy phát ở miền Bắc nước ta nữa (vụ dịch tả trâu bò cuối cùng là vào năm 1959). Số trâu,

bò chết về các bệnh dịch khác hằng năm chỉ tính đến hàng trăm con là cùng.

Ngành thú i của ta sau Cách mạng tháng Tám (1945) và trong kháng chiến chống Pháp (1946—1954), một mặt phải áp dụng những biện pháp cấp bách để hạn chế tác hại của dịch bệnh, mặt khác nghiên cứu tìm ra những qui luật phát sinh và diễn biến của dịch bệnh và những kỹ thuật phòng, trừ dịch bệnh có hiệu lực trong hoàn cảnh và điều kiện nước ta. Trong công tác khoa học và kỹ thuật thú i, chúng ta đã cố gắng vận dụng đường lối quần chúng của Đảng, như lời Hồ Chủ tịch dạy: « Phải nhận thức cho rõ rệt và phải tích cực thực hiện phương châm: đem chuyên môn làm việc cho nhân dân. Phải sửa đổi lối làm việc theo những phương pháp mới: gần dân, hiểu dân, tìm hỏi những kinh nghiệm của dân để phối hợp với sở trường khoa học của mình ». (Thư của Hồ Chủ tịch gửi Hội nghị chăn nuôi Việt-bắc năm 1942).

Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, một vụ dịch tả trâu bò lớn phát ra (1944—1950) từ Yên-bái, lan sang Tuyên-quang, Hà-giang, Phú-thọ, dọc theo sông Lô và sông Chảy. Chúng ta mới chế được một số lượng thuốc tiêm phòng rất ít, thuốc lại kém hiệu lực vì chế theo phương pháp cũ của Pháp (ta đã bỏ vào năm 1957). Nhưng các cấp ủy Đảng và các ủy ban kháng chiến hành chính đã tổ chức lực lượng quần chúng chống dịch, áp dụng các phương pháp khoa học về cách li, bao vây, tiêu độc, nên đã hạn chế được tác hại và dập tắt nhanh chóng được dịch. Theo cách làm thời thuộc Pháp, vụ dịch này phải kéo dài ít nhất hai năm; nhưng chúng ta đã dập tắt trong 6 tháng.

Từ những kinh nghiệm thực tiễn ấy, vận dụng đường lối khoa học của Đảng, chúng ta đã xây dựng một sắc lệnh và nghị định về bài trừ dịch tễ (Sắc lệnh số 125/SL ngày 11-7-1950) nêu rõ:

a) Lực lượng nhân dân là chính trong công tác chống dịch;

b) Chống toi dịch phải lấy phòng ngừa bằng phương pháp vệ sinh là chính.

Năm 1953 — 1956, một vụ dịch sốt lở mồm long móng đã lan ra gần một nghìn ổ dịch ở hầu khắp các tỉnh Bắc-bộ và Bắc Trung-bộ. Chúng ta chưa chế thuốc tiêm phòng bệnh này, nhưng với kinh nghiệm dùng thuốc nam của quần chúng, với lực lượng cán bộ xã (đã huấn luyện khoảng 2 vạn cán bộ xã), chúng ta đã thanh toán được một vụ dịch lớn nhất và lan rộng nhất từ trước đến nay: trên tổng số 18 000 trâu bò ốm, đã chữa khỏi 17 560 con (tỉ lệ chữa khỏi 97,5%). Việc tổng kết rộng rãi kinh nghiệm chữa bệnh của nhân dân, việc xây dựng và phát triển mạng lưới cán bộ thú y ở cơ sở, bắt đầu được thực hiện từ thời kì đó.

Trong kháng chiến chống Pháp, chúng ta mới chế được một số ít thuốc tiêm phòng dịch lợn và chưa chế thuốc tiêm phòng dịch gà. Nhưng do vận động nhân dân áp dụng « kết ước phòng toi gà » (nội dung kĩ thuật của « kết ước » này là vệ sinh phòng dịch) nên đã khống chế được nạn toi gà trong nhiều xã, huyện ở vùng tự do của ta. Chủ trương xây dựng « kết ước phòng toi gà » là xuất phát từ kinh nghiệm lâu đời của nông dân một số vùng thuộc tỉnh Hà-lĩnh, cũng như kinh nghiệm của một số chiến sĩ thi đua chăn nuôi tổng kết tại Hội nghị chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất (1952). Kết quả thực hiện chủ trương này đã xác minh: có thể khống chế toi dịch bằng phương pháp vệ sinh, dù chưa có thuốc tiêm phòng và thuốc chữa bệnh.

Từ hòa bình lập lại (1954) đến nay, ngành thú y đã nghiên cứu tìm ra và áp dụng được những phương pháp phòng trị bệnh có hiệu lực hơn. Chúng ta đã hiểu biết sâu thêm một bước về qui luật, về bệnh lí của các bệnh gia súc trong điều kiện nhiệt đới nước ta, đã hạn chế được tác hại của một số bệnh chính ở gia súc: bệnh dịch tả trâu bò, nhiệt thán, đốm dấu lợn, dịch tả lợn, dịch tả vịt, bệnh giun đũa nghé, bệnh kí sinh trùng trong máu của bò. Những thứ vắc xin phòng dịch và thuốc trị giun sán chế theo kĩ thuật mới và với số lượng nhiều đã góp phần quan trọng vào việc

khống chế các bệnh truyền nhiễm và bệnh sinh trùng.

Đường lối quần chúng trong công tác phòng trừ dịch bệnh gia súc đã được vạch rõ trong Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành trung ương Đảng (tháng 7-1961): « Gây phong trào vệ sinh phòng bệnh cho gia súc ở nông thôn, kết hợp với việc tiêm phòng dịch rộng rãi và chữa bệnh kịp thời. Sản xuất đủ các thứ thuốc thú y có chất lượng tốt; chú ý tổng kết và phổ biến kinh nghiệm chữa bệnh gia súc của nhân dân. Việc kiểm dịch gia súc cũng cần được tăng cường... Đi đôi với việc giải quyết thức ăn, cần chú ý việc giữ gìn các chuồng trại sạch sẽ, làm các chuồng hợp vệ sinh ». Đường lối ấy được cụ thể hóa trong « Điều lệ phòng và chống dịch bệnh gia súc, gia cầm ». (Nghị định Hội đồng Chính phủ số 111/CP ngày 23-7-1963).

Nghị quyết hội nghị lần thứ 19 của Ban chấp hành trung ương Đảng lại nhấn mạnh: « Phải đặt nhiệm vụ chống toi dịch, tăng cường lãnh đạo và phát triển công tác thú y là vấn đề rất quan trọng để đẩy mạnh chăn nuôi ». Chăn nuôi đi lên thành một ngành chính trong nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi công tác khoa học và kĩ thuật thú y phải có những chuyển biến mới cho phù hợp với qui mô chăn nuôi tập trung với tính chất chăn nuôi chuyên môn hóa, với việc sử dụng những nguồn thức ăn mới, những giống gia súc và gia cầm mới, với quá trình công nghiệp hóa từng bước ngành chăn nuôi.

Những đặc điểm về qui luật dịch bệnh gia súc, gia cầm ở ta

Sự phát sinh và phát triển của các bệnh của gia súc, gia cầm chịu sự chi phối của hai loại điều kiện sau đây:

1. Những điều kiện tự nhiên và điều kiện sinh vật học: khí hậu, đất đai; ví dụ, tiết trời nóng, lạnh, ẩm quá mức độ bình thường làm cơ thể sức vật yếu đi, vi trùng, virus, kí sinh trùng tăng tính độc; đất đai thuận tiện cho sự phát triển, lây lan của sinh vật gây bệnh; những động vật, côn trùng và thực vật có vai trò gieo rắc bệnh trong một địa phương.

2. Điều kiện kinh tế và kĩ thuật: thức ăn, chuồng trại, vệ sinh,... có thể làm cho bệnh phát ra hay ngăn được bệnh; và khi bệnh đã phát ra, có thể làm cho bệnh lây lan mạnh hay được dập tắt nhanh chóng.

Tổng hợp những điều kiện ấy, có thể bước đầu nêu ra những đặc điểm về qui luật các

bệnh chính sau đây ở gia súc, gia cầm nước ta :

Bệnh truyền nhiễm (do vi trùng, virus) :

Bệnh nhiệt thân (do vi trùng) thường nhiễm vào ngựa, trâu, bò, lợn thuộc mọi lứa tuổi và mọi giống ; bệnh nặng nhất ở trâu ; bệnh cũng lây sang người, bệnh phát quanh năm và ở khắp các vùng, nhưng thường phát vào mùa nóng ẩm ở đồng bằng, mùa lạnh khô ở miền núi.

Bệnh dịch tả trâu bò (do virus), nhiễm vào trâu, bò, dê, cừu, lợn thuộc mọi lứa tuổi và mọi giống ; bệnh nặng nhất ở trâu ; bệnh phát quanh năm và ở khắp các vùng, nhưng thường phát vào mùa lạnh khô và ở vùng núi.

Bệnh dịch tả lợn (do virus) nhiễm vào lợn thuộc mọi lứa tuổi và mọi giống ; bệnh phát ở khắp các vùng và quanh năm, nhưng có khuynh hướng nặng hơn vào mùa lạnh khô.

Bệnh tụ huyết trùng (do vi trùng) gồm một nhóm bệnh : tụ huyết trùng trâu bò, tụ huyết trùng lợn, tụ huyết trùng gà, tụ huyết trùng thỏ. Bệnh tác hại nhiều nhất đối với trâu, gà. Bệnh phát quanh năm ở khắp các vùng, nhưng phát nặng nhất vào mùa nóng ẩm ở vùng đồng bằng.

Bệnh đóng dấu lợn (do vi trùng) là một bệnh của loài lợn, có thể nhiễm vào ngựa, cá, và lây sang người ; bệnh phát quanh năm và ở khắp các vùng, nhưng nặng nhất vào mùa lạnh ẩm ở đồng bằng.

Bệnh toi gà Niucatxon (do virus) là một bệnh của loài gà ; bệnh phát quanh năm và ở khắp các vùng, nhưng nặng nhất vào mùa lạnh ở vùng đồng bằng.

Trong « Điều lệ phòng và chống dịch bệnh gia súc, gia cầm » (Nghị định Hội đồng Chính phủ số 111/CP ngày 23-7-1963) có ghi những bệnh truyền nhiễm sau đây : bệnh dại (do virus) ở tất cả các loài gia súc ; bệnh dịch tả trâu bò ở loài nhai lại và lợn ; bệnh tụ huyết trùng trâu bò ; bệnh lao (do vi trùng) ở trâu bò ; bệnh nhiệt thân ở tất cả các loài gia súc ; bệnh khí ung thân (do vi trùng) ở trâu bò ; bệnh sốt lở mồm long móng (do virus) ở trâu, bò, cừu, lợn ; bệnh tị thư (do vi trùng) ở ngựa, lừa la ; bệnh dịch tả lợn ; bệnh tụ huyết trùng lợn ; bệnh phó thương hàn (do vi trùng) ở lợn ; bệnh đóng dấu lợn ; bệnh sảy thai truyền nhiễm (còn gọi bệnh lưu sản do vi trùng) ở dê, cừu.

Gần đây, còn thấy một số bệnh khác có tác hại rõ rệt : bệnh trùng xoắn ở nhiều loài gia súc, nhưng nặng nhất ở lợn, thường phát ở

vùng ruộng nước ; bệnh viêm phổi do siêu vi trùng ở lợn (còn gọi là bệnh suyễn lợn, tác hại nhất đối với lợn giống) ; bệnh dịch tả vịt (do virus) tác hại nhất ở vịt nuôi đàn ; bệnh Marek ở gà (nuôi theo qui trình công nghiệp).

Bệnh kí sinh trùng :

Các loài ve truyền các bệnh huyết bào tử trùng : trâu, bò, lợn đều bị ve tấn công, nhưng nặng nhất là ở bò thuộc các giống nhập nội ; các bệnh huyết bào tử trùng phát nặng vào mùa nóng ẩm (là mùa ve sinh sản nhiều) và ở những cơ sở nuôi tập trung bò thuộc các giống nhập nội.

Các loài ruồi trâu và mòng truyền bệnh tiên mao trùng (trùng roi) : bệnh phát nặng nhất ở trâu (trâu từ miền núi đưa xuống miền xuôi) ; bệnh có thể phát quanh năm, nhưng thường phát vào mùa nóng ẩm, bệnh cũng thấy ở ngựa miền núi.

Các bệnh ghẻ, rận, đều có ở các loài gia súc, gia cầm, nhưng tác hại nhiều nhất đối với nghé ở miền núi vào mùa lạnh và khô hanh.

Bệnh gạo lợn và gạo bò (ấu trùng sán dây) : tỉ lệ bệnh ở lợn và bò miền núi cao hơn ; người ăn phải thịt bị gạo không được kiểm tra và xử lí kĩ về vệ sinh thực phẩm sẽ bị bệnh sán dây.

Bệnh giun đũa, nặng nhất ở súc vật non, nhất là ở nghé (vào mùa lạnh khô ở miền núi) và ở lợn, gà.

Bệnh sán lá gan nặng nhất ở trâu vùng đồng bằng ; bệnh cũng nặng ở súc vật nhập nội (bò, cừu).

« Điều lệ phòng và chống dịch bệnh gia súc, gia cầm » ghi những bệnh do kí sinh trùng và nấm sau đây : bệnh tiên mao trùng ở la, lừa, ngựa, trâu ; bệnh tim la ngựa (hoặc gọi là bệnh giao cầu) ở la, lừa, ngựa ; bệnh viêm hệ lâm ba (do nấm) ở la, lừa, ngựa.

Gần đây, loại bệnh kí sinh trùng đáng lo ngại nhất là các bệnh huyết bào tử trùng (nhất là bệnh lê dạng trùng và bệnh biên trùng) ở bò thuộc các giống nhập nội (bò sữa).

Bệnh không truyền nhiễm :

Những bệnh phổ biến và có hại nhất là : bệnh chướng hơi dạ cỏ (nặng nhất ở trâu, vào mùa nóng ẩm), bệnh cước chân trâu (vào mùa lạnh), bệnh say nắng, cảm nóng (ở trâu, bò, lợn vào mùa hè), bệnh lợn con ỉa cửrt trắng (vào mùa ẩm ướt).

Các chủ trương kĩ thuật về phòng, trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm

Các chủ trương kĩ thuật về phòng, trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm đã được vạch ra trong

các nghị quyết hội nghị lần thứ 5 và lần thứ 19 Ban chấp hành trung ương Đảng, được cụ thể hóa trong « Điều lệ phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm » của Nhà nước, bao gồm các mặt sau đây :

— Gây phong trào vệ sinh phòng bệnh cho gia súc ở nông thôn.

— Sản xuất đủ các thứ thuốc thú y có chất lượng tốt; tiêm phòng dịch rộng rãi, chữa bệnh kịp thời.

— Cải tiến kỹ thuật chăn nuôi (nhất là thức ăn, chuồng trại...) để phòng ngừa dịch bệnh, tăng năng suất chăn nuôi.

Vệ sinh phòng bệnh bao gồm vệ sinh ăn uống, vệ sinh chuồng trại, chăn thả, ủ phân rác, vệ sinh thân thể gia súc; vệ sinh cho súc vật làm việc, súc vật sinh sản, súc vật cho sữa; tăng cường công tác kiểm dịch xuất, nhập khẩu và kiểm dịch nội địa, công tác kiểm soát vệ sinh các sản phẩm chăn nuôi (nhất là thực phẩm); áp dụng các phương pháp cách li, tiêu độc, bao vây dập tắt các ổ dịch. Những kỹ thuật vệ sinh phòng bệnh phải được xây dựng thành qui trình, tiêu chuẩn kỹ thuật mà mọi hợp tác xã nông nghiệp, mọi nông trường và cơ sở quốc doanh, mọi người chăn nuôi phải tôn trọng và áp dụng. Vệ sinh phòng bệnh phải được gây thành phong trào quần chúng tự nguyện tự giác thực hiện, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, phải dựa vào nội dung hoạt động của những tổ chức quần chúng như « hội bảo hiểm nuôi lợn », « kết ước phòng chống toi gà », v.v... Vệ sinh phòng bệnh gia súc phải trở thành tập quán mới trong nhân dân, thay thế cho nếp sống và nếp sản xuất cũ, kết hợp chặt chẽ với phong trào vệ sinh phòng bệnh cho người. Cơ sở khoa học của công tác vệ sinh phòng bệnh gia súc là những hiểu biết về các điều kiện tự nhiên trong đó gia súc sinh sống : khí hậu, không khí, đất, nước..., những hiểu biết về kỹ thuật vệ sinh : ăn uống, chuồng trại, thân thể, kiểm dịch, phòng dịch...

Nếu vệ sinh phòng bệnh là biện pháp phòng ngừa chung cho mọi loại bệnh, thì **tiêm phòng bằng thuốc** là phương pháp phòng bệnh có hiệu lực đặc biệt riêng cho từng bệnh. Tiêm phòng bằng vắc xin là kích thích cho cơ thể tự sản sinh các chất chống vi trùng, sẵn sàng bảo vệ cơ thể chống sự tấn công của tác nhân gây bệnh. Tiêm phòng bằng huyết thanh là cung cấp cho cơ thể những chất chống vi trùng đã sẵn có trong huyết thanh, có tác dụng tiêu diệt hay khống chế tác nhân gây bệnh khi nó xâm nhập cơ thể.

Như thế, tiêm phòng được thực hiện rộng rãi bằng những loại thuốc có hiệu lực và theo một kế hoạch khoa học dựa trên những hiểu biết về qui luật dịch bệnh, là một trong những biện pháp chủ yếu để hạn chế, tiến tới tiêu diệt dịch bệnh. Chữa bệnh kịp thời cho gia súc, gia cầm là một yêu cầu cấp thiết của sản xuất, dù là chăn nuôi tập trung hay phân tán, nhằm làm giảm thiệt hại về kinh tế do súc vật bị ốm đau, chết chóc. Ngoài những thứ thuốc sinh vật học, hóa học, ngoài những phương pháp chữa bệnh bằng vật lý, ngoại khoa, chúng ta phải « chú ý tổng kết và phổ biến kinh nghiệm chữa bệnh gia súc của nhân dân ». Những bài thuốc hay do các danh y để lại, những kinh nghiệm chữa bệnh của nhân dân, nên được thông qua thí nghiệm, xác định; những bài thuốc đã được xác định nên được bào chế thành những dạng thuốc có hiệu lực, có liều lượng chính xác để sử dụng. Cơ sở khoa học của những kỹ thuật tiêm phòng và chữa bệnh là những hiểu biết về vi trùng, học, ký sinh trùng học, miễn dịch học, được lý học,... vận dụng vào đặc điểm, tính chất của các loài sinh vật gây bệnh cho gia súc nước ta, vào đặc điểm về sức chống đỡ của cơ thể gia súc với các tác nhân gây bệnh đó.

Cải tiến kỹ thuật chăn nuôi và sử dụng gia súc chính là một phương pháp phòng bệnh tích cực và chủ động. Thực hiện vệ sinh về thức ăn, nước uống, chuồng trại, chăm sóc,... chính là một khâu trong cải tiến kỹ thuật chăn nuôi. Phối hợp thích đáng khâu phần thức ăn, xây dựng chuồng trại theo những mẫu thiết kế hợp lý, cải tiến việc quản lý, chăm sóc và sử dụng gia súc, áp dụng công cụ cải tiến, máy móc, sức điện vào chăn nuôi, cải tạo giống gia súc,... chính cũng góp phần vào việc phòng những bệnh do dinh dưỡng kém, quản lý không tốt, sử dụng gia súc quá sức, giống gia súc xấu, v.v... và phòng được cả những bệnh truyền nhiễm và bệnh ký sinh trùng. Cơ sở khoa học của công tác phòng bệnh bằng cải tiến kỹ thuật chăn nuôi là những hiểu biết về dinh dưỡng học, di truyền học, sinh lý học, sinh hóa học, sinh thái học... Dần dần người ta cũng xây dựng những môn khoa học « bắc cầu » giữa các môn về chăn nuôi và các môn về thú y, ví dụ : sinh lý bệnh lý, sinh hóa bệnh lý, bệnh lý di truyền, bệnh lý dinh dưỡng v.v...

Trên đây là nội dung, tác dụng và phương hướng của từng mặt công tác thú y : phòng bệnh, chữa bệnh, cải tiến kỹ thuật chăn nuôi. Nhưng, như nghị quyết của Đảng đã vạch rõ, phải **gây phong trào vệ sinh phòng bệnh kết hợp**

với tiêm phòng và chữa bệnh; đi đôi với giữ quyết thức ăn, phải xây dựng và quản lý chuồng trại hợp vệ sinh. Khoa học thú y đã xác định: « phòng bệnh hơn chữa bệnh », vì nếu để bệnh phát mới chữa thì nhất định không tránh khỏi những thiệt hại về kinh tế. Nhưng ngược lại, chữa bệnh cũng là một phương pháp phòng bệnh tích cực, vì nó loại được những nguồn gieo rắc bệnh, có tác dụng đề phòng cho những con vật chung quanh khỏi lây bệnh. Nhiều loại thuốc chữa bệnh hiện nay cũng được dùng để phòng bệnh trước khi bệnh phát ra (ví dụ: thuốc chữa và phòng các bệnh giun sán, bệnh kí sinh trùng trong máu).

Chăn nuôi đi lên thành một ngành chính đòi hỏi phải tăng cường nhiệm vụ chống lại dịch, phát triển công tác thú y. Các mặt công tác: vệ sinh phòng bệnh, kiểm dịch, tiêm phòng, chữa bệnh..., phải được cải tiến về nội dung kĩ thuật và về biện pháp tổ chức thực hiện cho phù hợp với phương thức chăn nuôi đi dần lên tập trung, chuyên môn hóa, công nghiệp hóa.

Những yêu cầu của việc đưa chăn nuôi lên thành ngành chính đối với công tác thú y

Phát triển sản xuất và bảo vệ sản xuất là hai mặt công tác có liên quan chặt chẽ với nhau. Công tác thú y phải được phát triển cho phù hợp với những chuyển biến của ngành chăn nuôi. Ngành chăn nuôi của ta đang từ nghề phụ đi lên thành một ngành chính trong nông nghiệp, đang từ sản xuất nhỏ tự cấp tự túc chuyển lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đòi hỏi công tác thú y phải theo kịp và có những chuyển biến thích hợp.

Ngành chăn nuôi sản xuất lớn là một ngành chăn nuôi tập trung, chuyên môn hóa, « thâm canh », theo phương hướng phát triển chung của nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Chăn nuôi *tập trung* tạo cho gia súc những điều kiện sinh sống mới: một số đồng cỏ thể gia súc được chăn nuôi trên một diện tích tương đối hẹp hơn, trong những điều kiện phải tiếp xúc với nhau mật thiết hơn, do đó dịch bệnh có điều kiện lây lan dễ dàng và nhanh chóng hơn. Công tác thú y phải nghiên cứu tìm ra những phương pháp phát hiện bệnh hàng loạt và phát hiện bệnh sớm, có thể áp dụng một cách nhanh chóng và thuận tiện cho những đàn gia súc nuôi tập trung. Những xí nghiệp chăn nuôi phải đưa việc phát hiện bệnh, kiểm tra sức khỏe và sức

sinh trưởng của gia súc, thành một nền nếp công tác định kì, liên tục. Công tác thú y cũng phải chủ động dự kiến những bệnh có thể phát nặng hơn hay những bệnh mới có thể phát trong điều kiện chăn nuôi tập trung và tìm ra những phương pháp phòng trị bệnh thích hợp. Ví dụ: phải thiết kế và quản lý khu chăn nuôi và chuồng trại thế nào để bảo đảm cho những con vật ốm hoặc nghi ốm được cách li kịp thời và chặt chẽ. Những qui trình và tiêu chuẩn phòng trị bệnh, những thứ thuốc và phương pháp dùng thuốc phòng trị bệnh phải có thể áp dụng một cách nhanh chóng, thuận tiện và có hiệu lực cho những đàn gia súc lớn, không tốn quá nhiều công lao động, vật tư, chi phí..., không trở ngại cho việc thực hiện qui trình chăn nuôi áp dụng trong các xí nghiệp chăn nuôi theo kiểu công nghiệp.

Chăn nuôi *chuyên môn hóa* là một ngành chăn nuôi phân bố theo vùng sản xuất, được qui hoạch dựa trên yêu cầu sử dụng tốt nhất những khả năng về tự nhiên (đất đai, khí hậu), về kinh tế — xã hội, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế quốc dân. Ví dụ: có vùng chăn nuôi lợn thịt, vùng chăn nuôi bò sữa, vùng chăn nuôi trâu bò đàn, hoặc có vùng thực phẩm chung quanh thành phố, khu công nghiệp, vùng chăn nuôi phục vụ công nghiệp chế biến, vùng chăn nuôi phục vụ xuất khẩu v.v... Ngoài những vùng đất nông nghiệp đã có, phải mở mang những vùng kinh tế mới (nhất là ở trung du, miền núi) để phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Những vùng kinh tế mới nói chung được mở mang trên cơ sở khai hoang những đất mới trước đây chưa trồng trọt, chăn nuôi, chưa có cư dân đông đúc. Theo những hiểu biết khoa học, những vùng đất mới này thường chứa những mầm bệnh từ trước và chỉ nhiễm vào đã thú, chuột, ve, muỗi, ruồi, v.v... Khi đưa gia súc vào nuôi, chăn thả ở những vùng này thì mầm bệnh có thể truyền từ đã thú, côn trùng sang gia súc (ở đồng cỏ, khi vào rừng). Cơ thể gia súc từ trước chưa tiếp xúc với mầm bệnh ấy nên chưa thích ứng được với nó, do đó bệnh thường phát trầm trọng và lây lan nhanh chóng. Cho nên, dựa vào những điều tra, khảo sát có kế hoạch trước khi qui hoạch và xây dựng những vùng kinh tế mới này, công tác thú y phải dự kiến được những tình huống có thể xảy ra mà chuẩn bị kịp thời những phương pháp phòng bệnh, trị bệnh thích hợp, những phương tiện, dụng cụ thuốc men... cần thiết để đối phó có hiệu quả nhanh chóng và chắc chắn.

Chăn nuôi «thâm canh» phục vụ cho sản xuất hàng hóa đặt ra nhiều vấn đề khoa học và kỹ thuật phải giải quyết, trong đó các vấn đề quan trọng nhất là: sử dụng các giống gia súc mới và áp dụng những kỹ thuật cho sinh sản mới; sử dụng những nguồn thức ăn mới và áp dụng những kỹ thuật nuôi dưỡng mới; dùng các phương pháp mới để chế biến và lưu thông các sản phẩm chăn nuôi.

Những giống gia súc địa phương đã được chăn nuôi theo lối tự nhiên từ lâu đời, có năng suất và chất lượng chưa cao, nhưng thường lại có sức chống đỡ mạnh với các điều kiện khí hậu bất thuận và với các bệnh tật ở địa phương. Ngành chăn nuôi sản xuất lớn không phải chỉ nhằm tăng số lượng gia súc, mà chủ yếu là tăng năng suất chăn nuôi, tăng số lượng sản phẩm có chất lượng tốt thu được trên đơn vị đầu gia súc, do đó đòi hỏi phải sử dụng những giống mới có năng suất cao hơn và chất lượng tốt hơn. Chúng ta đã và đang nhập nội một số giống gia súc tốt từ nước ngoài theo những mục đích nhất định để nuôi thích nghi hay cho lai với những giống gia súc của ta, pha nái với các giống của ta để tạo thành giống mới. Những giống gia súc nhập nội có thể đưa những bệnh mới vào nước ta: cả hai trường hợp đều đưa lại những tổn thất nghiêm trọng do sự tiếp xúc bất ngờ giữa mầm bệnh với những cơ thể chưa thích ứng với nó. Những giống gia súc nhập nội, những giống lai, những giống mới tạo ra, đều có sức chống đỡ kém với các điều kiện khí hậu không thuận lợi và các bệnh tật ở địa phương. Những giống gia súc, gia cầm chuyên môn hóa thường được tạo ra qua một quá trình *chọn lọc nhân tạo* lâu dài theo hướng nhất định, nên có những thay đổi về cơ thể và sinh lý làm dễ mắc những bệnh nhất định, ví dụ: bò thuộc giống sữa thường mắc những bệnh ở vú sữa (viêm vú); súc vật cày kéo thường mắc những bệnh ở vai, khoeo; gà đẻ trứng cao sản thường mắc những bệnh ở bộ máy sinh dục; lợn thịt cao sản thường mắc những bệnh về đường hô hấp... Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, nếu không thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật có thể làm cho súc vật cái, đực giống mắc bệnh ở bộ máy sinh dục. Kỹ thuật nuôi dưỡng nhân tạo súc vật non từ sơ sinh đến cai sữa (nuôi tách mẹ, cho ăn sớm, cho cai sữa sớm) có thể làm những bệnh của súc vật non trở thành nặng thêm (viêm dạ dày — ruột, ỉa chảy trắng). Công tác thú y phải tính trước tất cả những trường hợp này, có kế hoạch và phương pháp khắc phục những nguyên nhân làm cản trở cho công tác giống, cho kế hoạch phát triển chăn nuôi sinh

sản. Nói chung, mọi mặt công tác phòng bệnh (chuồng trại, chăm sóc, nuôi dưỡng, sử dụng thuốc phòng,...) phải được tăng cường mạnh mẽ; công tác chuẩn bị để đối phó khi bệnh xảy ra phải khẩn trương và đầy đủ, do bệnh có thể diễn biến cấp tính hay quá cấp tính, phát ra hàng loạt, nếu không đối phó thật nhanh thì có khi không kịp.

Chăn nuôi «thâm canh» cũng đòi hỏi phải sử dụng những nguồn thức ăn mới và những kỹ thuật nuôi dưỡng mới: thức ăn hỗn hợp chế biến theo lối công nghiệp, dưới dạng viên, bột khô hay nhão. Ở các nước, người ta đã phát hiện những bệnh do chuyển từ một chế độ ăn có nhiều chất xơ sang một chế độ ăn có nhiều thức ăn tinh hơn (thể tích của khẩu phần giảm đi), thường là các chứng rối loạn tiêu hóa, đi táo kéo dài, suy dinh dưỡng, v.v... Một ví dụ nữa là khi xây dựng và sử dụng những đồng cỏ mới để chăn thả hàng đàn súc vật, thường thấy phát những bệnh do những loại thực vật có hại (cây, cỏ độc, cỏ lông dài, cỏ gai nhọn sắc, ..), do các côn trùng và động vật có hại trên đồng cỏ, do thiếu một số thành phần dinh dưỡng nào đó trong cây, cỏ hậu quả của việc thiếu chính những thành phần ấy (chất khoáng, nguyên tố vi lượng) trong đất đồng cỏ gây ra. Một vài kỹ thuật nuôi dưỡng như cho lợn ăn thức ăn sống cũng có thể gây ra hoặc làm nặng thêm những bệnh như bệnh giun sán.

Chăn nuôi hàng hóa đòi hỏi phải chế biến sản phẩm chăn nuôi thành dạng hàng hóa thích hợp và đẩy mạnh lưu thông các sản phẩm chăn nuôi. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, việc vận chuyển gia súc và các sản phẩm chăn nuôi là nguyên nhân làm lây lan nhiều loại bệnh toại dịch. Do đó, phải tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển, kiểm soát chặt chẽ những chỗ tập trung gia súc (chợ gia súc, chỗ thi, tỉnh làm gia súc). Công tác thú y cũng phải được tăng cường trong việc kiểm soát vệ sinh các sản phẩm chăn nuôi tươi hoặc đã qua chế biến (sẽ ngày càng được sử dụng với khối lượng nhiều hơn và yêu cầu về phẩm chất cao hơn) để bảo vệ sức khỏe cho người.

Thực hiện đầy đủ những tiến bộ kỹ thuật về thú y và đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học thú y

Để thực hiện những yêu cầu của việc đưa chăn nuôi lên sản xuất lớn, lên thành một ngành chính trong nông nghiệp như đã nói trên, trong thời gian tới, công tác khoa học kỹ thuật về thú y phải được tăng cường về nhiều mặt: đưa những tiến bộ kỹ thuật

về thú i vào sản xuất chăn nuôi; nghiên cứu những bệnh mới có thể phát sinh trong điều kiện chăn nuôi mới, và những phương pháp chẩn đoán, phòng trị bệnh thích hợp.

1. Trước hết, phải đưa thành kỉ luật sản xuất những qui định của điều lệ phòng và trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm (Nghị định Hội đồng Chính phủ số 111/CP ngày 23-7-1963). Đồng thời bổ sung những thể lệ cụ thể cho thích hợp với yêu cầu đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính. Ví dụ: phải bổ sung những thể lệ về kiểm dịch (kiểm dịch xuất, nhập khẩu và nội địa, tổ chức và hoạt động của mạng lưới các trạm kiểm dịch), thể lệ về sát sinh (thể lệ sát sinh ở các thành phố tập trung đông dân và ở nông thôn, tổ chức và hoạt động của mạng lưới các lò sát sinh từ thành thị đến nông thôn...); bổ sung những qui trình và tiêu chuẩn kĩ thuật về vệ sinh thú i (vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống, sử dụng...). Có thể cần phải bổ sung một số bệnh mới thêm vào 16 bệnh đã qui định, đồng thời có những thể lệ chi tiết cho từng bệnh về các phương pháp phòng dịch (ví dụ: nhốt riêng bao nhiêu ngày dựa vào thời kì nung bệnh của bệnh; dùng thứ thuốc sát trùng nào cho có hiệu lực nhất đối với từng loại vi trùng, virus, kí sinh trùng gây bệnh) và các phương pháp chống dịch (ví dụ: đối với mỗi bệnh khi phát ra, phải cấm ra vào ổ dịch những súc vật nào, thời gian công bố hết dịch cho mỗi bệnh là bao nhiêu ngày sau khi có con vật ốm hay con vật chết cuối cùng).

Phải sử dụng được vào sản xuất đại trà những loại thuốc phòng, trị bệnh có hiệu lực theo một kế hoạch tiêm phòng (hay cho uống thuốc phòng) thích hợp, dựa trên những hiểu biết về đặc điểm qui luật phát sinh của từng bệnh. Để phòng bệnh có hiệu lực, ngoài việc áp dụng triệt để các phương pháp vệ sinh phòng bệnh, phải bảo quản và sử dụng đúng kĩ thuật các loại thuốc, phải thực hiện triệt để kế hoạch tiêm phòng hằng năm: tiêm đúng vụ, đúng vùng, đúng tỉ lệ, thực hiện tiêm nhanh, gọn, bảo đảm kĩ thuật, và giải quyết tốt những tai nạn có thể xảy ra sau khi tiêm. Việc chữa bệnh phải dựa trên cơ sở chẩn đoán bệnh chính xác, dùng đúng thuốc, thuốc dùng đúng liều lượng, đúng cách; kết hợp với những phương pháp bồi dưỡng, chăm sóc, vệ sinh theo chế độ nhất định. Phải tổ chức mạng lưới phòng, trị bệnh gia súc sát với các cơ sở chăn nuôi, phải chuẩn bị đủ cán bộ, dụng cụ, thuốc men cần thiết để can thiệp kịp thời. Lại phải tính toán hiệu quả kinh tế của việc chữa bệnh: trường hợp nào thì nên chữa, so

sánh chi phí về chữa bệnh, bồi dưỡng, chăm sóc với giá trị kinh tế của con vật.

Phải gây được phong trào bảo vệ gia súc sâu rộng trong quần chúng. Tất cả mọi người chăn nuôi (công nhân nông trường quốc doanh, xã viên chăn nuôi tập thể, gia đình chăn nuôi riêng) đều phải được hiểu biết đầy đủ về tác hại của dịch bệnh, về những phương pháp phòng trừ dịch bệnh để tự giác thi hành đầy đủ. Phải xây dựng những cơ sở vật chất và kĩ thuật cần thiết cho công tác thú i, xây dựng lực lượng cán bộ, công nhân, tổ chức mạng lưới thú i từ trung ương cho đến tận hợp tác xã.

2. Công tác khoa học, kĩ thuật về thú i lại phải tiến hành nghiên cứu những loại bệnh có thể phát sinh trong quá trình đưa ngành chăn nuôi lên sản xuất lớn. Những bệnh đe dọa những cơ sở chăn nuôi tập trung, những bệnh có thể phát sinh ở những vùng kinh tế mới, những bệnh có khả năng xảy ra do việc nhập các giống mới, v.v... sử dụng những nguồn thức ăn mới, v.v... như đã nêu trên.

Khi phát triển nuôi lợn tập trung thì những bệnh như suyễn lợn, giun sán... trở thành trầm trọng hơn và tác hại nhiều hơn; nuôi vịt tập trung đã thấy phát sinh bệnh dịch tả vịt,... Do đó, phải cải tiến kĩ thuật chế tạo, sử dụng một số thuốc cũ (ví dụ: vắc xin dịch tả và đóng dấu lợn, thuốc diptêrex trị nhiều loại giun sán), chế tạo thuốc mới (ví dụ: vắc xin dịch tả vật), thay đổi qui trình kĩ thuật phòng trị một số bệnh (ví dụ: qui trình khống chế tiến tới loại trừ bệnh suyễn lợn ở một trại giống, một cơ sở chăn nuôi quốc doanh).

Ở những vùng kinh tế mới sẽ xây dựng, những bệnh có khả năng tác hại nhiều hơn là: các bệnh kí sinh trùng đường máu (do các loại ve, ruồi, mòng, muỗi truyền), các bệnh trùng xoắn (leptospiroz) của gia súc, các bệnh trùng xoắn (spirochetoz) của gia cầm,...

Việc đưa những giống bò sữa có năng suất cao sang ta (ví dụ: bò Hà-lan) có thể yêu cầu phải đối phó với bệnh sảy thai truyền nhiễm, bệnh lao,... Các giống lợn nhập nội có thể đưa vào bệnh sảy thai truyền nhiễm, các bệnh trùng xoắn với những chủng vi trùng từ trước chưa có ở nước ta. Các giống gà có năng suất cao nhập nội có thể đưa vào những bệnh như bệnh Marek v.v... Lại phải chú ý đến những bệnh phổ biến ở gia súc nước ta có thể truyền sang những gia súc nhập nội, ví dụ: các bệnh dịch tả trâu bò, nhiệt thán, sán lá gan, giun đũa, giun xoắn đường tiêu hóa, lê dạng trùng, tiên mao trùng,... đối với loài nhai lại (bệnh

lê dạng trùng và biến trùng đối với bò sữa giống Hà-lan là trường hợp điển hình nhất); bệnh sản lá ruột đối với lợn; bệnh Niucatxon và bệnh tụ huyết trùng đối với gà; bệnh dịch tả đối với vịt,...

Đồng thời với việc nghiên cứu các bệnh « mới », phải nghiên cứu những phương pháp chẩn đoán nhanh chóng, những phương pháp phòng trị bệnh hàng loạt, có thể áp dụng vào những cơ sở chăn nuôi tập trung qui mô vừa và lớn, theo hướng sử dụng những thành tựu mới của các khoa học cơ bản (sinh vật, toán, lí, hóa) và của các khoa học cơ sở về thú i (miễn dịch học, sinh thái học, vệ sinh học), theo hướng áp dụng cơ khí hóa, điện khí hóa và bước đầu tự động hóa vào chăn nuôi.

Có thể nêu một số ví dụ: Việc chẩn đoán bệnh hàng loạt có thể dùng kháng nguyên và thống kê sinh vật học. Việc phòng trị bệnh có thể dùng những máy móc, dụng cụ để làm vệ sinh chuồng trại một cách tự động, tắm chải cùng một lúc cho từng đàn gia súc; dùng những kĩ thuật chế biến, dự trữ, bảo quản thức ăn với khối lượng lớn theo những tiêu chuẩn chặt chẽ về chất lượng (giá trị dinh dưỡng) và vệ sinh (loại trừ các mầm bệnh). Việc cho thuốc (uống thuốc, tiêm thuốc) có thể dùng những dụng cụ tự động định liều lượng chính xác và đưa thuốc vào cơ thể nhanh chóng, không phải bắt giữ và tiêm cho từng con, hoặc có thể trộn thuốc vào thức ăn, nước uống. Các thử thuốc phải được nghiên cứu theo hướng tăng cường hiệu lực mà chỉ phải dùng ít lần với liều lượng ít, dùng một thử thuốc phòng trị nhiều loại bệnh.

Tăng cường công tác khoa học, kĩ thuật thú i đòi hỏi phải dựa trên những dự đoán

khoa học về sự phát triển của chính ngành khoa học này và về sự phát triển của ngành chăn nuôi mà nó phục vụ. Dựa trên những tính toán có cơ sở khoa học, chúng ta phải dự đoán, trong một thời gian nữa (5 năm, 10 năm hay dài hơn nữa), ngành chăn nuôi của ta sẽ phát triển thế nào về các mặt tập trung, chuyên môn hóa, phát triển toàn diện, tăng khối lượng về tỉ trọng hàng hóa; đồng thời dự đoán trình độ của ngành chăn nuôi về các mặt cơ khí hóa, điện khí hóa, tự động hóa, hóa học hóa, công nghiệp hóa...; về các mặt giống, thức ăn, chuồng trại, v.v... Trên cơ sở những dự đoán ấy mà xác định ngành thú i phải đạt những tiến bộ gì trong từng thời kì để phục vụ cho những tiến bộ trong sản xuất chăn nuôi và trong khoa học, kĩ thuật chăn nuôi; những vấn đề khoa học, kĩ thuật gì mà ngành thú i phải nghiên cứu giải quyết.

Tăng cường công tác khoa học, kĩ thuật thú i phải theo quan điểm thực tiễn và đường lối quần chúng của Đảng. Phải xuất phát từ yêu cầu của sản xuất mà đặt ra và giải quyết các vấn đề về khoa học, kĩ thuật. Khi giải quyết, phải phối hợp chặt chẽ các ngành khoa học, kĩ thuật có liên quan, tập trung dứt điểm từng vấn đề cụ thể, hoàn chỉnh cả mặt kinh tế và kĩ thuật để đạt hiệu quả đưa được nhanh và đầy đủ tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất; phải dựa vững chắc vào kinh nghiệm quần chúng, phải biết kết hợp khoa học, kĩ thuật tiên tiến với thực tiễn trong nước. Công tác thú i nhằm bảo vệ gia súc phát triển chăn nuôi phải được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở vận động, tổ chức quần chúng, lấy lực lượng quần chúng làm căn bản.